TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - ĐĂK LĂK** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 53/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 20-7-2026.
V/v: *"Kiện ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – ĐĂK LĂK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Dhiểu Hmok.

2. Ông Lâm Tấn Đạt.

-Thư ký phiên Tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2026 tại phòng xử án, Toà án nhân dân khu vực 8 mở phiên toà xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 107/2026/TLST-HNGĐ ngày 14/4/2026 về việc *"Kiện ly hôn"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2026/QĐST-HNGĐ ngày 01/6/2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 43/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2026, giữa:

Nguyên đơn: Anh Y M Niê, sinh năm 1981. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Số CCCD/CMND: 066081005750.

Nơi cư trú: Buôn Dr 2, xã Krông B, tỉnh Đăk Lăk.

Bị đơn: Chị H S Mlô, sinh năm 1979. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Số CCCD/CMND: 066179008874.

Nơi cư trú: Buôn Dr, xã Krông B, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án anh Y M trình bày:

- Về quan hệ tình cảm: Anh Y M và chị H S về sống chung với nhau từ năm 2000, đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại UBND xã Cư Né (nay là xã Krông Búk),

tỉnh Đăk Lăk, kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, sau khi về sống chung hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng nhiều quan điểm, không tin tưởng và tôn trọng nhau, nên xảy ra nhiều cuộc cãi vã làm mất tình cảm vợ chồng, đầu năm 2018 thì sống ly thân, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa, nay anh Y M yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H S.

- Về con chung: Anh Y M và chị H S có 03 con chung là Y Mi L Mlô, sinh ngày 28/8/2002, H La Mi Mlô, sinh ngày 09/3/2004 và H Suôn H Mlô, sinh ngày 07/01/2007, hiện các con chung đã trưởng thành đủ trên 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Anh Y M không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị H S là bị đơn: Cố tình lẫn tránh, không hợp tác nên không ghi nhận được ý kiến của chị H S và chị H S cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Y M.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự có trong hồ sơ vụ án do chủ tọa phiên tòa đã công bố tại phiên tòa thể hiện việc anh Y M khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị H S là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Cho anh Y M được ly hôn với chị H S, con chung đã trưởng thành nên không đề cập xem xét. Về tài sản và nợ chung: Anh Y M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Pháp luật về tố tụng: Việc anh Y M Niê khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị H S Mlô, Toà án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự đến Tòa án để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị H S cố tình lẫn tránh, không hợp tác, vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án không thể tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự được

mà tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi chị H S cư trú. Căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Pháp luật về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Y M và chị H S về sống chung với nhau từ năm 2000, năm 2014 đăng ký kết hôn tại UBND xã Cư Né (nay là xã Krông Búk), tỉnh Đăk Lăk theo giấy chứng nhận kết hôn số 220/2014/KH ngày 28/8/2014, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng nhiều quan điểm, không tin tưởng và tôn trọng nhau, nên xảy ra nhiều cuộc cãi vã làm mất tình cảm vợ chồng, đầu năm 2018 thì sống ly thân, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa, nay anh Y M yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H S.

Căn cứ vào lời khai của anh Y M và qua xác minh tại nơi anh Y M và chị H S sinh sống, thì anh Y M và chị H S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện tại hai người đã sống ly thân. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa anh Y M và chị H S ngày càng trầm trọng, giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại. Vì vậy, việc anh Y M yêu cầu ly hôn với chị H S là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

2.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Y M và chị H S có 03 con chung là Y Mi L Mlô, sinh ngày 28/8/2002, H La M Mlô, sinh ngày 09/3/2004 và H Suôn H Mlô, sinh ngày 07/01/2007, hiện các con chung đã trưởng thành đủ trên 18 tuổi, nên không đề cập xem xét.

2.3. Về tài sản và nợ chung: Anh Y M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Y M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Y M Niê.

1. Về hôn nhân: Cho anh Y M Niê được ly hôn với chị H S Mlô.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, nên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Anh Y M không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 19; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Anh Y M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đăk Lăk theo biên lai số 0003937 ngày 10/4/2026.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- THADS tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND khu vực 8 – Đăk Lăk;
- Phòng THADS khu vực 8 – Đăk Lăk;
- UBND xã Krông Búk, tỉnh Đăk Lăk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ